TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Tiên Lãng, ngày 12 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng;

Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Tùng, Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 175 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 - ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1957, do bà L đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/12/2017); địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Bị đơn: Vợ chồng bà Phạm Thị Th, sinh năm 1948 - ông Phạm Văn X, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T và vợ chồng bà Phạm Thị Th, ông Phạm Văn X thống nhất thỏa thuận giữ nguyên hiện trạng các công trình xây dựng mà hai bên đã xây dựng trên phần đất giáp ranh của hai bên và thống nhất lấy mép ngoài của móng các công trình xây dựng gồm: 01 lán xây, 01 ngôi nhà xây năm 1998, 01 ngôi nhà xây năm 2014, 01 nhà vệ sinh, 01 bếp, 01 chuồng lợn của vợ chồng bà L, ông T, móng tường bao của vợ chồng bà Th, ông X và gốc cây bạch đàn của vợ chồng bà L, ông T làm ranh giới đất ở của hai bên. Ranh giới đất ở của vợ chồng bà L, ông T và vợ chồng bà Th, ông X cụ thể như sau: Mốc 14 được xác định là mép móng ngoài của lán xây phía trước ngôi nhà xây năm 1998 của vợ chồng bà L, ông T đến Mốc 1 là mép móng ngoài của ngôi nhà xây năm 1998 của vợ chồng bà L, ông T, có độ dài là 1,6m và từ Mốc 1 đến Mốc 2 là mép móng ngoài của ngôi nhà xây năm 2014 của vợ chồng bà L, ông T, có độ dài là 8,5m và từ Mốc 2 này đến Mốc 6 là gốc cây bạch đàn của vợ chồng bà L, ông T (chạy dọc theo mép móng ngoài của các công trình xây dựng còn lại) có độ dài là 43,0m. Khi sửa chữa hoặc xây mới, vợ chồng bà L, ông T có trách nhiệm tháo dỡ phần mái chuồng lợn, phần mi nhà xây năm 2014 lệch ra so với mép móng ngoài của các công trình này.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất của vợ chồng bà L, ông T là 573,0m^2, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện T, T phố Hải Phòng, ranh giới, kích thước cụ thể như sau: Chiều rộng phía Tây giáp đường 354 kích thước là 13,5m; phía Đông giáp đất các ông Phạm Văn X, ông Phạm Văn M, kích thước: 4,0m + 4,8m; chiều dài phía Bắc giáp đất vợ chồng bà Th, ông X, kích thước: 1,6m + 8,5m + 43,0 m; phía Nam giáp đất tập thể (UBND xã Đ quản lý), bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn Ch, ông Phạm Văn M, kích thước: 19,7m, 2,5m, 18,7m + 15,0m + 4,6m.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất của vợ chồng bà Th, ông X là 360,0m^2, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, ranh giới, kích thước cụ thể như sau: Chiều rộng phía Tây giáp đường 354, kích thước là 9,2m; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn X kích thước: 5,9 m; chiều dài phía Bắc giáp đất vợ chồng bà L, ông T, kích thước: 1,6m + 8,5m + 43,0m; phía Nam giáp đất ông Đào Xuân H, kích thước: 20m + 8,3m +11,2m + 8,0m.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Vợ chồng bà L, ông T có trách nhiệm xây bít cửa sổ nhà vệ sinh hướng về phía đất của vợ chồng bà Th, ông X; lắp đặt lại đường ống thoát nước mưa không cho chảy sang đất của vợ chồng bà Th, ông X. Vợ chồng bà Th, ông X có trách nhiệm để vợ chồng bà L, ông T hoàn thiện (trát) phần tường nhà giáp với đất ở của vợ chồng bà Th, ông X.

2. Về án phí: Vợ chồng bà L, ông T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; vợ chồng bà L, ông T đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011066 ngày 05/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng; trả lại vợ chồng bà L, ông T 150.000 (một trăm năm

mươi nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Th, ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Vợ chồng bà L, ông T và vợ chồng bà Th, ông X thỏa thuận mỗi bên phải chịu 1.500.000 đồng, tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các bên đương sự đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Đ, huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Chi